

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước gồm các hồ:
Cắm Sơn, Khuôn Thần, Suối Nứa, đập dâng Cầu Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước gồm các hồ: Cắm Sơn, Khuôn Thần, Suối Nứa, đập dâng Cầu Sơn;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Tờ trình số 43/TTr-SNN ngày 29/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước gồm các hồ: Cắm Sơn, Khuôn Thần, Suối Nứa, đập dâng Cầu Sơn, với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước gồm các hồ: Cắm Sơn, Khuôn Thần, Suối Nứa, đập dâng Cầu Sơn.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Sông Thương.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư:

Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình làm cơ sở trong xử lý vi phạm tình trạng lấn chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình thủy lợi; lắp đặt thiết bị và quan trắc đập, hồ chứa nước nhằm thu thập các số liệu kỹ thuật của công trình đập hồ chứa nước để phân tích đánh giá tình trạng đập để có các biện pháp quản lý vận hành, sửa chữa nâng cấp phù hợp đảm bảo công trình hoạt động an toàn, lâu dài; lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho đập, hồ chứa nước nhằm thu thập các tài liệu khí tượng thủy văn chuyên dùng phục vụ công tác cảnh báo, dự báo trong vận hành công trình; lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du hồ chứa nước nhằm cung cấp dữ liệu trong công tác vận hành công trình, giám sát các thiết bị công trình, dự báo lũ và hỗ trợ điều hành hồ chứa theo thời gian.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp thiết kế cơ sở:

4.2.1. Quy mô đầu tư xây dựng:

a) Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình: Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình là 400 mốc (trong đó: hồ Cấm Sơn 266 mốc, hồ Khuôn Thần 64 mốc, hồ Suối Nứa 55 mốc, đập dâng Cầu Sơn 15 mốc).

b) Lắp đặt thiết bị và quan trắc đập, hồ chứa nước:

- Hệ thống quan trắc chuyển vị hồ chứa: 04 hệ thống (Cấm Sơn 01 hệ thống; Khuôn Thần 01 hệ thống; Suối Nứa 01 hệ thống; đập dâng Cầu Sơn 01 hệ thống).

- Mốc cơ sở quan trắc chuyển vị đập: 16 mốc (Cấm Sơn 04 mốc; Khuôn Thần 04 mốc; Suối Nứa 04 mốc; đập dâng Cầu Sơn 04 mốc).

- Mốc chuyển vị đập: 24 mốc (Cấm Sơn 06 mốc; Khuôn Thần 06 mốc; Suối Nứa 06 mốc; đập dâng Cầu Sơn 06 mốc).

- Hệ thống quan trắc đường bão hòa thân đập, hồ: 03 hệ thống (Cấm Sơn 01 hệ thống; Khuôn Thần 01 hệ thống; Suối Nứa 01 hệ thống).

- Giếng quan trắc đường bão hòa thân đập, hồ: 36 giếng (Cấm Sơn 12 giếng; Khuôn Thần 12 giếng; Suối Nứa 12 giếng).

- Trạm quan trắc đường bão hòa thân đập, hồ: 09 trạm (Cấm Sơn 03 trạm; Khuôn Thần 03 trạm; Suối Nứa 03 trạm).

- Phần mềm giám sát đường bão hòa trong thân đập trên công nghệ WEBGIS: 03 bộ (Cấm Sơn 01 bộ; Khuôn Thần 01 bộ; Suối Nứa 01 bộ).

c) Lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho đập, hồ chứa nước:

- Trạm đo mưa lưu vực hồ: 07 trạm (Cấm Sơn 07 trạm).

- Trạm đo mực nước hồ kết hợp đo mưa đầu mỗi hồ: 04 trạm (Cấm Sơn 01 trạm; Khuôn Thần 01 trạm; Suối Nứa 01 trạm; đập dâng Cầu Sơn 01 trạm).

- Trạm đo mực nước hạ du hồ: 04 trạm (Cấm Sơn 01 trạm; Khuôn Thần 01 trạm; Suối Nứa 01 trạm; đập dâng Cầu Sơn 01 trạm).

d) Lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du hồ chứa nước:

- Trạm đo độ mở cửa tràn hồ Cấm Sơn (*tràn 03 cửa*): 01 trạm.

- Trạm giám sát tại công lấy nước đầu mỗi các hồ chứa, tràn và đập dâng: 10 trạm (hồ Cấm Sơn 03 trạm; hồ Khuôn Thần 02 trạm; hồ Suối Nứa 02 trạm; đập dâng Cầu Sơn 03 trạm).

- Trạm camera giám sát vận hành hồ: 11 trạm (hồ Cấm Sơn 03 trạm; Khuôn Thần 02 trạm; Suối Nứa 02 trạm; đập dâng Cầu Sơn 03 trạm).

- Trạm giám sát trung tâm tại nhà quản lý: 04 trạm (hồ Cấm Sơn 01 trạm; hồ Khuôn Thần 01 trạm; hồ Suối Nứa 01 trạm; đập dâng Cầu Sơn 01 trạm).

- Tích hợp dữ liệu quan trắc lên hệ thống CSDL ngành thủy lợi (thuyloivietnam.vn) trọn gói: 04 bộ (hồ Cấm Sơn 01 bộ; hồ Khuôn Thần 01 bộ; hồ Suối Nứa 01 bộ; đập dâng Cầu Sơn 01 bộ).

- Trạm cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du hồ chứa nước: 05 trạm (hồ Cấm Sơn 03 trạm; hồ Khuôn Thần 01 trạm; hồ Suối Nứa 01 trạm; đập dâng Cầu Sơn 01 trạm).

- Phần mềm giám sát, dự báo lũ, hỗ trợ điều hành hồ chứa theo thời gian thực và điều khiển còi hú cảnh báo an toàn đập, vùng hạ du: 03 bộ (hồ Cấm Sơn 01 bộ; hồ Khuôn Thần 01 bộ; hồ Suối Nứa 01 bộ).

4.2.2. Giải pháp thiết kế cơ sở:

a. Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình

- Cột mốc (*gồm thân mốc và đế mốc*): Thân mốc bằng kết cấu BTCT M200# đúc sẵn; đế mốc kết cấu BT M200# đổ tại chỗ kích thước 40x40 cm.

- Thân mốc nhô lên khỏi mặt đất tự nhiên 50 cm; phần trên cùng cao 10 cm từ đỉnh cột trở xuống sơn màu đỏ, phần còn lại sơn màu trắng; trên thân mốc có ký hiệu CTTL và được đánh số hiệu chi tiết CTTL.01..., chữ số được ghi bằng chữ in hoa đều nét, khắc chìm, tô bằng sơn đỏ.

- Khoảng cách giữa hai mốc: Đối với đập khoảng cách giữa hai mốc liền nhau khoảng 100 m; trường hợp đập gần khu đô thị, dân cư tập trung là 50 m; Đối với lòng hồ chứa nước khoảng cách giữa hai mốc liền nhau từ 200 m đến 500 m, khu vực lòng hồ có độ dốc lớn hoặc không có dân cư sinh sống khoảng cách giữa hai mốc liền nhau lớn hơn 1000 m.

b. Lắp đặt thiết bị và quan trắc đập, hồ chứa; lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho đập, hồ chứa; lắp đặt hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du hồ chứa nước: Mua sắm các thiết bị, phần mềm và lắp dựng đảm bảo theo thiết kế, tiêu chuẩn; đào tạo và chuyển giao công nghệ các thiết bị lắp dựng vào đập, hồ chứa theo

đúng quy định.

c. Các giải pháp chi tiết khác: *Theo thuyết minh và bản vẽ thiết kế cơ sở.*

5. Tổ chức tư vấn lập dự án, khảo sát xây dựng: Trung tâm chính sách và kỹ thuật Thủy lợi.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Huyện Lục Ngạn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 2.400 m².

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Dự án nhóm C.

- Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp IV.

- Thời hạn sử dụng công trình: 25 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

8.1. *Số bước thiết kế:* 02 bước (Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở).

8.2. *Danh mục Tiêu chuẩn, Quy chuẩn chủ yếu áp dụng:*

- TCVN 12845:2020 Tiêu chuẩn quốc gia về Công trình thủy lợi - Thành phần nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

- QCVN 04-05:2012/BNNPTNT Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- TCVN 8477-2018: Công trình thủy lợi – Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 4447-2012 Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9115:2019 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 170:2007 - Kết cấu thép - Gia công, lắp ráp và nghiệm thu - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 8215: 2009 - Các quy định chủ yếu về thiết kế bố trí thiết bị quan trắc cụm công trình đầu mối công trình thủy lợi;

- TCVN 8304 : 2009 Công tác thủy văn trong hệ thống thủy lợi;

- Các Tiêu chuẩn ngành và Quy phạm thiết kế công trình hiện hành có liên quan khác...

9. Tổng mức đầu tư: 23.250.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	534.000.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	7.307.953.000	đồng
- Chi phí thiết bị:	8.985.354.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	358.453.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.664.606.000	đồng
- Chi phí khác:	135.326.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	3.264.308.000	đồng

10. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2023.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

13. Các nội dung khác: Theo Tờ trình số 43/TTr-SNN ngày 29/3/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Hồ sơ dự án đã được thẩm định.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tài Nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Sông Thương, UBND các huyện: Lục Ngạn, Lục Nam và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Lạng Sơn;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chủ đầu tư (lưu hồ sơ dự án);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN, TKCT;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích